



CÂY CẦU PHÚC ÂM 福音橋

Đặc điểm của Cây Cầu Phúc Âm

Thu phục bằng hình ảnh

Tranh ảnh là ngôn ngữ chung của nhân loại. Sử dụng tranh ảnh để chia sẻ phúc âm có tác dụng nghe và nhìn, là phương tiện tốt nhất để chia sẻ phúc âm cho các nhóm ngôn ngữ và văn hóa khác nhau.

Thần Học Hệ Thống

Dựa trên Kinh Thánh, Cây Cầu Phúc Âm giới thiệu phúc âm đúng theo thứ tự Thần Học Hệ Thống, giúp những người mới tin và những người tin Chúa đi theo con đường của Đấng Christ, để họ không đi lạc hoặc sa vào tà giáo.

Thừa kế dễ dàng

Cây Cầu Phúc Âm dễ học, dễ hiểu, phù hợp với người trí thức hoặc không biết chữ. Người thuyết giảng giải thích phúc âm bằng hình ảnh và văn bản, và người nghe dễ hiểu lẽ thật. Nó ngắn gọn, cụ thể, dễ truyền đạt và thích hợp cho việc đào tạo môn đồ.

福音橋特色

以圖取勝

圖畫是人類的共同語言，能表達許多意思，我們使用圖畫來傳福音，可收視聽的效果，且對跨文化的宣教，向不同語言、文字、習俗等文化的族群傳福音，更是最佳溝通的一種媒介。

神學系統

「福音橋」以聖經為基礎，並以神學為系統，正確的介紹基督徒所信的對象是誰？有人稱其為最簡明的系統神學課本。它可幫助初信者和基督徒的信心堅定，一生走基督信仰的道路，不致落入偏差或異端。

易於傳承

「福音橋」易學易懂，對知識份子或是不識字的都可以適用。傳講的人容易以圖文分享完整的福音，聽講的人也容易明白聖經核心真理。它簡明、具體、便於傳承，且可以有效學習，也很適合大使命的門徒訓練。

MỤC LỤC / 目錄

① 真神

1 Chân thần 真神

1 Đức Chúa Trời có một và thật 獨一真神

2 Đức Chúa Trời là sự sáng 神就是光

3 Đức Chúa Trời là tình yêu thương 神就是愛

② 世人

2 Con người 世人

4 Nghĩ đến những gì thuộc về thế gian 以地上事為念

5 Trong lòng đầy dẫy ác tưởng 心中充滿惡念

6 Cuối cùng của tội lỗi là sự chết 罪的結局是死

③ 救主

3 Cứu Chúa 救主

7 Đấng Christ đến thế gian cứu người 基督降世救人

8 Đấng Christ chết thay cho con người 基督為人受死

9 Đấng Christ sống lại và thăng thiên 基督復活升天

10 Đấng Christ trở lại trong vinh hiển 基督榮耀再來

④ 選擇

4 Lựa chọn 選擇

11 Biện pháp hoặc cứu pháp 辦法或救法

12 Bất an hoặc bình an 不安或平安

13 Người cũ hoặc người mới 舊人或新人

⑤ 接受

5 Tiếp nhận 接受

14 Ăn năn 悔改

15 Tiếp nhận 接受

16 Kêu cầu 求告

17 Bằng cứ chắc chắn 確據



Đức Chúa Trời có một và thật

- Ban đầu Đức Chúa Trời dựng nên trời đất. (Sáng 1:1)
- Bởi những sự trọn lành của Ngài mắt không thấy được, tức là quyền phép đời đời và bền-tánh Ngài, thì từ buổi sáng thế vẫn sờ sờ như mắt xem thấy, khi người ta xem xét công việc của Ngài. Cho nên họ không thể chữa mình được. (Rô-ma 1:20)

Đức Chúa Trời có một và thật, Đấng tạo ra trời, đất, biển và mọi vật trong đó, Ngài là Chúa của vũ trụ, là Đức Chúa Trời toàn năng. Ngoài Ngài ra, không còn vị thần nào khác.

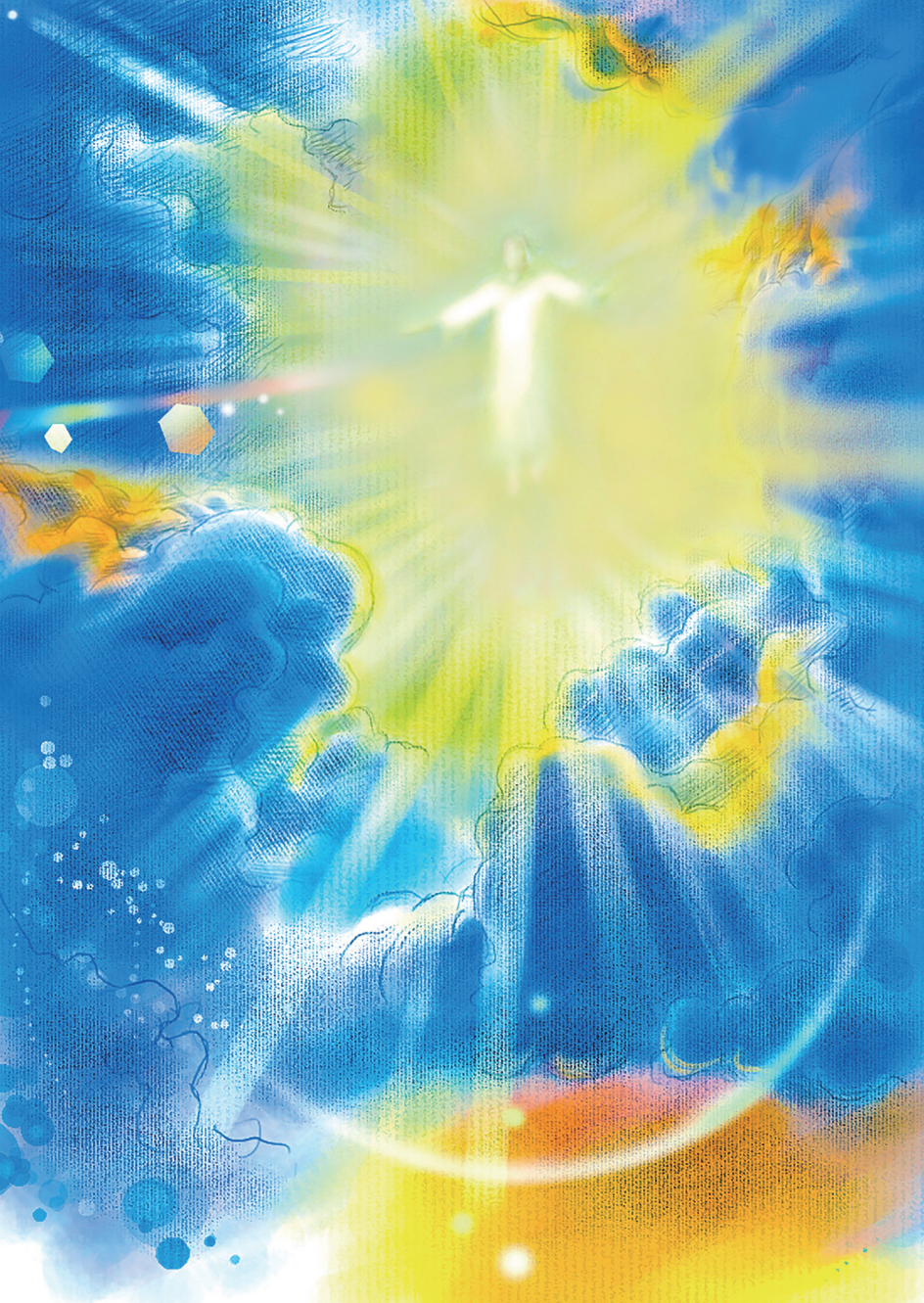
Xin hỏi bạn: Mục đích của Đức Chúa Trời tạo ra con người là gì? Trước hết, là để con người cai quản mọi thứ Ngài đã tạo ra. Đức Chúa Trời phán: “Chúng ta hãy làm nên loài người như hình ta và theo tương ta, đấng quản trị loài cá biển, loài chim trời, loài súc vật... Đức Chúa Trời dựng nên loài người như hình Ngài; Ngài dựng nên loài người giống như hình Đức Chúa Trời; Ngài dựng nên người nam cùng người nữ.”(Sáng thế ký 1: 26-27). Vì vậy, trong muôn vật tạo hóa, con người là cao quý nhất.

Ngài là Đức Chúa Trời như thế nào ?

獨一真神

- 起初，神創造天地。 (創世記 1:1)
- 自從造天地以來，神的永能和神性明明可知的，雖是眼不能見，但藉著所造之物就可以曉得，叫人無可推諉。 (羅馬書 1: 20)

祂是一位怎樣的神呢？



Đức Chúa Trời là sự sáng

- Đức Chúa Trời là sự sáng, trong Ngài chẳng có sự tối tăm đâu. (Sáng 1:1)
- Vì là Đức Chúa Trời thánh. (Giô-suê 24:19)

Sự công bình và ngay thẳng làm nền của ngôi Ngài. (Thi-thiên 97:2)

①
真
神

Sự sáng đại diện cho tinh sạch, có sự sáng thì không có sự tối tăm. Những người thuộc về Đức Chúa Trời thì bước đi trong sự sáng láng.

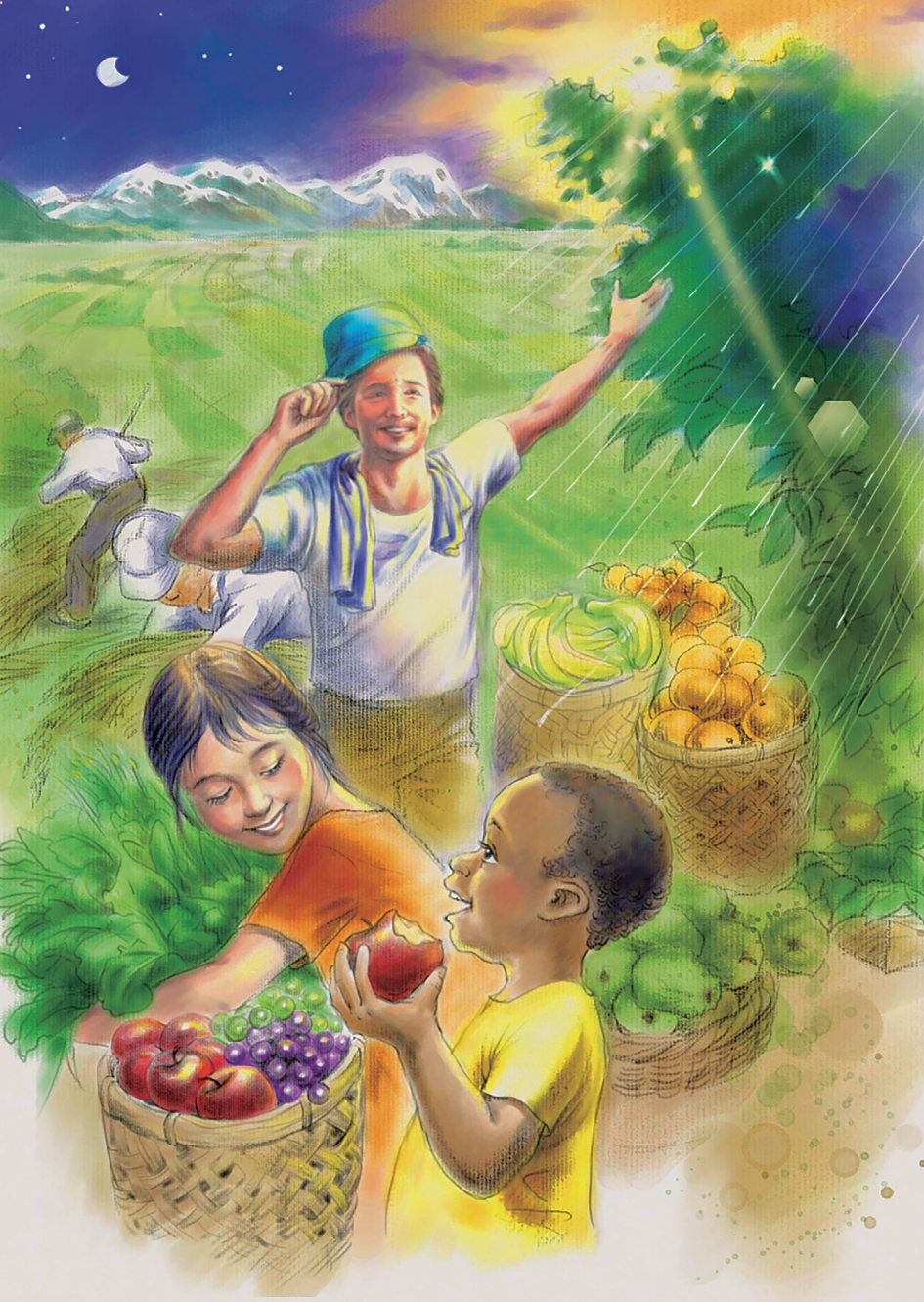
Chân Thần này là Đức Chúa Trời thánh khiết, công bình. Những suy nghĩ và hành động của con người, đều phơi bày trong sự sáng của Ngài, không thể che giấu được. Tăm lòng của chúng ta cũng ở trong sự sáng của Ngài, không thể che giấu được.

Ngài không chỉ là sự sáng, Ngài còn là...

神就是光

- 神就是光，在祂毫無黑暗。 (約翰一書 1:5)
- 祂是聖潔的神。 (約書亞記 24:19)
- 公義和公平是祂寶座的根基。 (詩篇 97:2)

神不但是光，祂更是...



Đức Chúa Trời là tình yêu thương

- Đấng đầy dẫy sự nhân từ của Đức Giê-hô-va (Đức Chúa Trời). (Thi-thiên 33:5)
... tức là giáng phước cho, làm mưa từ trời xuống, ban cho các người mùa màng nhiều hoa quả, đồ ăn dư dật, và lòng đầy vui mừng. (Công-vụ 14:17)
- Đức Giê-hô-va thương xót kẻ kính sợ Ngài, khác nào cha thương xót con cái mình vậy. (Thi-thiên 103:13)

Đức Chúa Trời chân thần không chỉ là thánh khiết, công bình, mà còn đầy dẫy sự nhân từ, trong tất cả muôn vật Ngài tạo dựng nên, Ngài yêu thương nhất chính là con người, Ngài yêu chúng ta như cha mẹ yêu thương con cái, thậm chí còn hơn tình yêu thương của cha mẹ. Đức Chúa Trời chân thần là Cha trên trời của chúng ta, chúng ta là con cái quý giá của Ngài.

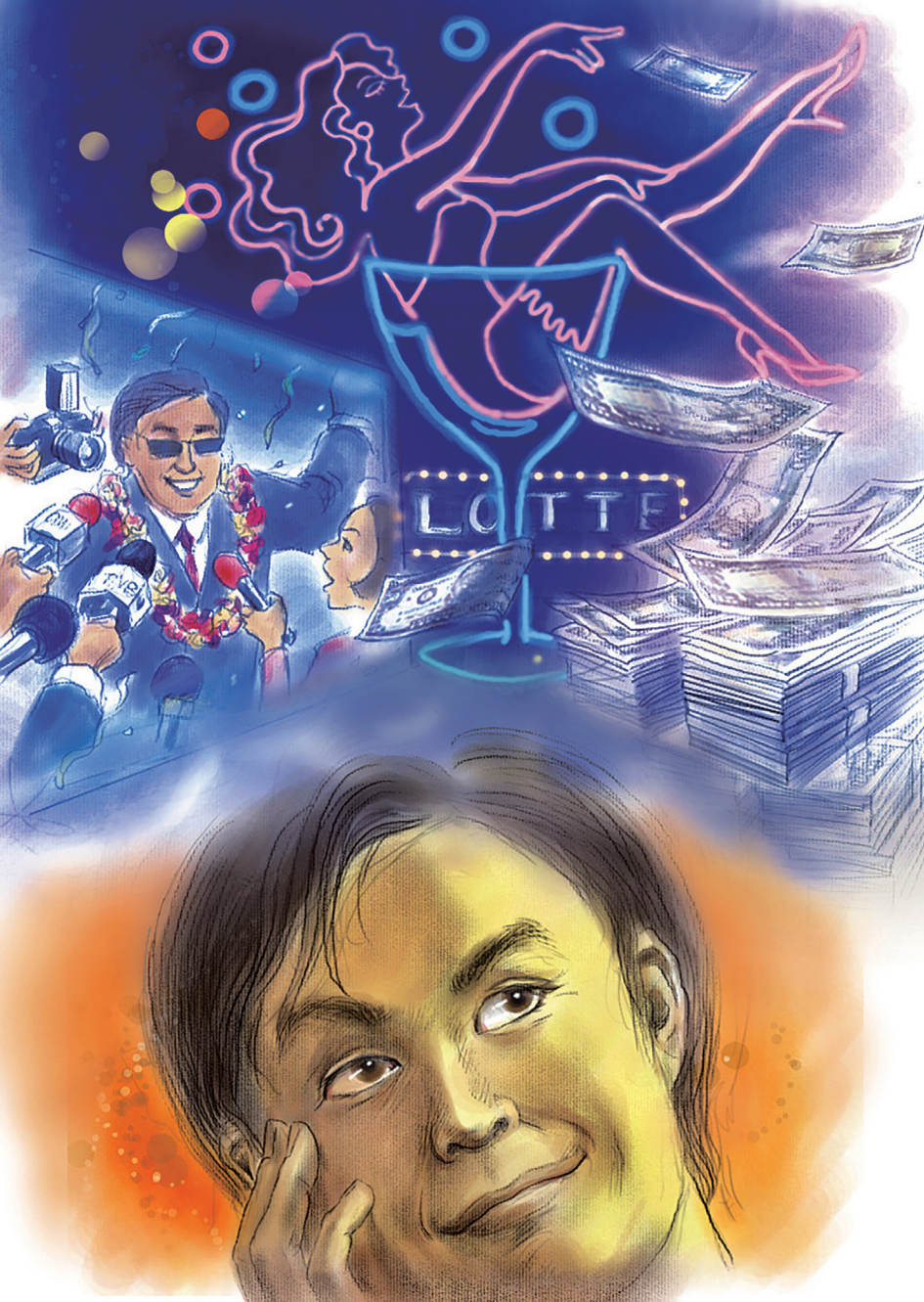
Đức Chúa Trời chăm sóc các nhu cầu của con người, Ngài ban đất đai, không khí, ánh nắng, nước mưa, thực phẩm và mọi phước lành cho chúng ta một cách miễn phí.

Đức Chúa Trời yêu con người rất nhiều, nhưng điều con người nghĩ về cả ngày là

神就是光

- 遍地滿了耶和華（神）的慈愛。 (詩篇 33:5)
就如常施恩惠，從天降雨，賞賜豐年，叫你們飲食飽足，滿心喜樂。 (使徒行傳 14:17)
- 父親怎樣憐恤他的兒女，耶和華也怎樣憐恤敬畏祂的人。 (約翰一書 1:5)

神這麼愛人，但人整天所想的卻是...



Nghĩ đến những gì thuộc về thế gian

- Chúng ta thấy điều như chiêm đi lạc, ai theo đường này. (Ê-sai 53:6)
- Con người.... chỉ nghĩ đến những gì thuộc về thế gian. (Phi-líp 3:19)

Mặc dù con người được tạo ra bởi Đức Chúa Trời và được ân huệ của Ngài, nhưng họ lại quên mất mục đích mà họ đã được Đức Chúa Trời tạo ra; họ không biết thờ phượng Ngài, cảm tạ Ngài và họ cũng không vâng lời Ngài, thậm chí bội nghịch cùng Ngài. Lòng của con người u mê, cứng cõi và bội nghịch, trái ngược quay đi thờ lạy thần tượng, đeo đuổi danh lợi, chiều theo dục vọng của xác thịt... để tội lỗi làm chủ mình và trói buộc bởi nó.

Để đeo đuổi những điều trên thế gian, chúng ta thường không từ một thủ đoạn nào...

以地上事為念

- 我們都如羊走迷；各人偏行己路。 (以賽亞書 53:6)
- 人 -- 專以地上的事為念。 (約書亞記 24:19)

我們為了追逐地上的這些，常常不擇手段...



Trong lòng đầy dẫy ác tưởng

• Lòng người ta là dối trá hơn mọi vật, và rất là xấu xa: ai có thể biết được? (Giê-rê-mi 17:9)

• Nay, Đức Chúa Trời nhìn xem thế gian, thấy đều bại hoại, vì hết thầy xác thịt làm cho đường mình trên đất phải bại hoại. (Sáng 6:12)

Vì mọi người đều đã phạm tội, thiếu mất sự vinh hiển của Đức Chúa Trời. (Rô-ma 3:23)

Con người đều ăn mặc đẹp bề ngoài, nhưng bên trong thì sao? Dưới ánh sáng của Đức Chúa Trời, giống như dùng kính lúp để soi, bản chất của con người được bộc lộ ra, như:

Cạn sỏi (đại diện cho)	Hung ác, dối trá
Rắn độc.....	Lươn lẹo, lừa dối
Bơ vụn.....	Toan mưu ác, xảo quyệt
Chuột cống.....	Ô uế, bỉ ổi

Và còn nói dối, oán hận, ghen tị và tự lợi....vân vân. Đây là những điều sự ác, và sự ác chính là "tội lỗi". Những điều đó đã vi phạm các yêu cầu về sự thánh khiết, công bình và sự nhân từ của Đức Chúa Trời.

Chẳng phải lòng của chúng ta chứa đầy những điều này sao? Như Kinh Thánh có chép rằng: "Chẳng có một người công bình nào hết, dầu một người cũng không." (Rô-ma 3:10).

Cuối cùng của tội lỗi là gì?

心中充滿惡念

• 人心比萬物都詭詐，壞到極處，誰能識透呢？
(耶利米書 17:9)

• 神觀看世界，見是敗壞了。凡有血氣的人，在地上都敗壞了行為。
(創世記 6:12)

因為世人都犯了罪，虧缺了神的榮耀。(羅馬書 3:23)

罪的結局是什麼呢？



Cuối cùng của tội lỗi là sự chết

- Vì tiền công của tội lỗi là sự chết. (Rô-ma 6:23)

- Theo như đã định cho loài người phải chết một lần, rồi chịu phán xét. (Hê-bơ-rơ 9:27)

Vi tội lỗi, trong lòng con người đã mất đi sự bình an và không có niềm vui. Những gì họ đã thể hiện ra bên ngoài là những hiện tượng xấu xa mà thế giới này đầy rẫy.

Cuối cùng của tội lỗi là đau đớn và sự chết; và sau khi chết, con người còn phải chấp nhận sự phán xét của Đức Chúa Trời vì tội lỗi của mình, bị huỷ diệt đời đời.

②
世人

Bạn và tôi đều có tội lỗi, cuối cùng đều phải chết, chúng ta phải làm sao?

罪的結局是死

- 罪的工價乃是死。 (羅馬書 6:23)

- 按著定命，人人都有一死，死後且有審判。

(希伯來書 9:27)

你我都有罪，結局都要死，怎麼辦呢？



Đấng Christ đến thế gian cứu người

- Vì Đức Chúa Trời yêu thương thế gian, đến nỗi đã ban Con một của Ngài, hầu cho hễ ai tin Con ấy không bị hư mất mà được sự sống đời đời. (Giăng 3:16)
“Người sẽ sanh một trai, người khá đặt tên là Jêsus, vì chính con trai ấy sẽ cứu dân mình ra khỏi tội.” (Ma-thi-ơ 1:21)
- Đức Chúa Jêsus đi khắp các thành, các làng, dạy dỗ trong các nhà hội, giảng tin lành nước Đức Chúa Trời, và chữa lành các thứ tật bệnh. (Ma-thi-ơ 9:35)

Thế gian đang sống trong tuyệt vọng vì tội lỗi, may mà Đức Chúa Trời đã bày tỏ tình yêu vĩnh cửu của Ngài và sai Con Một của Ngài là Đức Chúa Jêsus Christ, Ngôi Lời trở nên xác thịt, Ngài đã đến trong thế gian trở nên Con người. Tên "Jêsus" có nghĩa là Cứu Chúa.

Đức Chúa Jêsus là con một của Đức Chúa Trời, Ngài đến để cứu vớt thế gian khỏi tội lỗi và tuyệt vọng, ban cho chúng ta sự hy vọng duy nhất.

③
救
主

Ngài cứu vớt chúng ta như thế nào?

基督降世救人

- 神愛世人，甚至將祂的獨生子賜給他們，叫一切信祂的，不致滅亡，反得永生。(約翰福音 3:16)
她將要生一個兒子，你要給祂起名叫耶穌，因祂要將自己的百姓從罪惡裏救出來。(馬太福音 1:21)
- 耶穌走遍各城各鄉... 教訓人，宣講天國的福音，又醫治各樣的病症。(馬太福音 9:35)

祂怎樣拯救我們呢？



Đấng Christ chết thay cho con người

- Bởi Con người (Đức Chúa Jêsus) đã đến tìm và cứu kẻ bị mất. (Lu-ca 19:10)
- Kìa, Chên con của Đức Chúa Trời, là Đấng cất tội lỗi thế gian đi. (Giăng 1:29)

không đổ huyết thì không có sự tha thứ.
(Hê-bơ-rơ 9:22)

Đóng đinh trên thập tự giá là hình phạt tàn khốc nhất trong lịch sử của nhân loại. Đức Chúa Jêsus Christ là Con Đức Chúa Trời, Ngài sẵn lòng đến thế gian trở nên Con người. Ngài bằng lòng bị đóng đinh trên thập tự giá vì tội lỗi của chúng ta. Hy sinh mạng sống và đổ máu quý giá làm của lễ chuộc tội thay cho con người chúng ta, để chúng ta được phục hồi mối quan hệ hòa thuận với Đức Chúa Trời, hầu cho hễ ai tin Con ấy không bị hư mất mà được sự sống đời đời.

Kể từ đó, thập tự giá đã trở thành dấu hiệu của ơn cứu rỗi.

Đức Chúa Jêsus bằng lòng chết thay cho con người,
sau đó Ngài ra sao?

基督為人受死

- 人子 (耶穌) 來，為要尋找、拯救世上的人。
(路加福音 3:16)
- 看哪，神的羔羊，除去世人罪孽的！ (約翰福音 1:29)
- 若不流血，罪就不得赦免了。 (希伯來書 9:22)

耶穌甘願為人受死，以後怎樣呢？



Đấng Christ sống lại và thăng thiên

- Về...Đức Chúa Jêsus Christ..., thì bởi sự sống lại của Ngài từ trong kẻ chết, được tỏ ra là Con Đức Chúa Trời có quyền phép. (Rô-ma 1:3-4)

Ấy là Đấng Christ chịu chết vì tội chúng ta theo lời Kinh Thánh; Ngài đã bị chôn, đến ngày thứ ba, Ngài sống lại, theo lời Kinh Thánh. (I Cô-rinh-tô 15:3-4)

- Jêsus này đã được cất lên trời khỏi giữa các người, cũng sẽ trở lại như cách các người đã thấy Ngài lên trời vậy. (Công-vụ 1:11)

Sau khi Đức Chúa Jêsus Christ chịu thương khó, đến ngày thứ ba Ngài từ cõi chết sống lại, và ở trên đất trong bốn mươi ngày. Ngài hiện ra cho các môn đồ và nhiều người khác, Ngài chiến thắng sự chết và quyền lực của ma quỷ, chứng tỏ rằng Ngài là Con của Đức Chúa Trời.

Đức Chúa Jêsus được cất lên trời, ngồi bên hữu Đức Chúa Trời. Ngài sẽ trở lại để đem chúng ta đến với Ngài.

③
救主

Đức Chúa Jêsus đã sống lại và thăng thiên, sau đó thì sao?

基督復活升天

- 論到...主耶穌基督...因從死裡復活，以大能顯明是神的兒子。(羅馬書 1:3-4)

基督照聖經所說，為我們的罪死了，而且埋葬了；又照聖經所說，第三天復活了。(哥林多前書 15:3-4)

- 這離開你們被接升天的耶穌，你們見祂怎樣往天上去，祂還要怎樣來。(使徒行傳 1:11)

耶穌復活、升天，然後呢？



Đấng Christ trở lại trong vinh hiển

- Khi Con người ngự trong sự vinh hiển mình mà đến với các thiên sứ thánh, thì Ngài sẽ ngồi trên ngai vinh hiển của Ngài. Muôn dân nhom lại trước mặt Ngài, rồi Ngài sẽ chia người này với người khác ra... (Ma-thi-ơ 25:31-32)

Hỡi các người được Cha ta ban phước, hãy đến mà nhận lấy nước thiên đàng đã sẵn sàng cho các người từ khi dựng nên trời đất. (Ma-thi-ơ 25:34)

- Vì thiên sứ thứ bảy thổi loa, có những tiếng lớn vang ra trên trời rằng: Từ nay nước của thế gian thuộc về Chúa chúng ta và Đấng Christ của Ngài, Ngài sẽ trị vì đời đời. (Khải-huyền 11:15)

Đức Chúa Jêsus lần đầu tiên đến thế gian với tư cách là một Đấng Cứu Rỗi, để cứu vớt những người sa vào tội lỗi. Sự trở lại của Đức Chúa Jêsus với tư cách là Vua tái lâm, cũng là Chúa phán xét (2 Ti-mô-thê 4:1). Ngài sẽ lên án những kẻ không tin vào Ngài, và đem những kẻ tin vào Ngài lên đỉnh vinh hiển để cùng trị vì với Ngài.

Xin hỏi: Bạn có hiểu những gì tôi đã nói ở trên không? Bây giờ nên là thời điểm bạn đưa ra sự lựa chọn của bạn!

基督榮耀再來

- 當人子在祂榮耀裏，同著眾天使降臨的時候，要坐在祂榮耀的寶座上。萬民都要聚集在祂面前。祂要把他們分別出來。
(馬太福音 25:31-32)

你們這蒙我父賜福的，可來承受那創世以來為你們所預備的國。
(馬太福音 25:34)

- 第七位天使吹號，天上就有大聲音說：世上的國成了我主和主基督的國；祂要作王，直到永永遠遠。
(啟示錄 11:15)

請問：以上所講的你都明白嗎？現在應是你選擇的時候了！



Phương pháp hoặc cứu pháp

- Có một con đường cội dưỡng chánh đáng cho loài người; Nhưng đến cuối cùng nó thành ra nẻo sự chết. (Châm-ngôn 14:12)
 - Vậy Đức Chúa Jêsus đáp rằng: Ta là đường đi, lẽ thật, và sự sống; chẳng bởi ta thì không ai được đến cùng Cha. (Giăng 14:6)
- “Chẳng có sự cứu rỗi trong đấng nào khác; vì ở dưới trời, chẳng có danh nào khác ban cho loài người, để chúng ta phải nhờ đó mà được cứu.” (Công-vụ 4:12)

Có một hố sâu ngăn cách giữa thế gian và Đức Chúa Trời. Đó chính là tội lỗi của chúng ta đã ngăn cách chúng ta với Đức Chúa Trời.

Vì vậy, mọi người nghĩ ra nhiều cách khác nhau để tự cứu mình, chẳng hạn như: tu thân, làm thiện, giáo dục, thờ thần tượng ... vân vân. Những điều này đều là "phương pháp của con người", giống như cây cầu gỗ trong tranh vẽ, những điều đó không thực sự cứu được chúng ta. Thập tự giá trong tranh vẽ là "cứu pháp của Đức Chúa Trời", thông qua sự cứu chuộc của Chúa Jêsus trên thập tự giá, chúng ta được cứu.

Một con đường thông qua "phương pháp của con người", và đường kia qua "cứu pháp của Đức Chúa Trời".

“Phương pháp của con người” hay “cứu pháp của Đức Chúa Trời”, bạn muốn chọn con đường nào?

辦法或救法

- 有一條路，人以為正，至終成為死亡之路。
(箴言 14: 12)
 - 耶穌說：「我就是道路、真理、生命，若不藉著我，沒有人能到父那裏去。」
(約翰福音 14:6)
- 除祂以外，別無拯救；因為在天下人間，沒有賜下別的名，我們可以靠著得救。
(使徒行傳 4:12)

人的辦法或神的救法，你要選擇哪一個呢？



Bất an hoặc bình an

- Ta để sự bình an lại cho các người; ta ban sự bình an ta cho các người; ta cho các người sự bình an chẳng phải như thế gian cho. Lòng các người chớ bối rối và đừng sợ hãi. (Giăng 14:27)
- Ta đã bảo các người những điều đó, hầu cho các người có lòng bình yên trong ta. Các người sẽ có sự hoạn nạn trong thế gian, nhưng hãy cứ vững lòng, ta đã thắng thế gian rồi! (Giăng 16:33)

Chúa Jêsus hứa ban sự bình an cho những ai tin cậy Ngài, hơn nữa là "sự bình an thật." Điều này không chỉ có nghĩa là sự bình an trong lúc khỏe mạnh và thuận lợi, nhưng ngay cả trong đau khổ, bệnh tật và thất bại, vẫn có sự bình an của Ngài. (取消 安字)

Xin hỏi: "Thứ nào trên đời này chúng ta có thể nương cậy vững chắc không?", "Là tiền bạc hay địa vị không? Là học thức hay tài năng không? Là người thân hay bạn bè không? Thực ra, không có thứ gì trên đời này có thể nương cậy được mãi mãi."

Chỉ trong bàn tay quyền năng của Đức Chúa Jêsus mới có được sự bình an thật.

Bây giờ, bình an và bất an đang ở trước mặt bạn, bạn cần cái nào?

④
選
擇

不安或平安

耶穌說：我留下平安給你們；我將我的平安賜給你們。我所賜的，不像世人所賜的。你們心裏不要憂愁，也不要膽怯。
(約翰福音 14:27)

我將這些事告訴你們，是要叫你們在我裏面有平安。在世上，你們有苦難；但你們可以放心，我已經勝了世界。
(約翰福音 16:33)

現在平安與不安擺在你面前，你需要哪一種呢？



Người cũ hoặc người mới

- Vậy, nếu ai ở trong Đấng Christ, thì nấy là người dựng nên mới; những sự cũ đã qua đi, nấy mọi sự đều trở nên mới. (II Cô-rinh-tô 5:17)
- Anh em phải ăn ở một cách xứng đáng với chức phận mà Chúa đã gọi anh em. (Ê-phê-sô 4:1)

Người cũ thường sống trong lo lắng, cô đơn, bàng hoàng, bất an, tiêu cực, bất mãn, hư không, cuộc sống vô nghĩa, không nương dựa....

Người mới nhận được sự an ủi, bình an, vui mừng, thoải mái, tích cực từ thiên đàng, cuộc sống có mục tiêu, có ý nghĩa, có sự nương dựa và có sự hiện diện của Chúa.

Bây giờ, bạn nhận được phước lành lớn nhất này cách duy nhất là bạn hãy thành tâm tin cậy Chúa Giêsu.

Nhưng làm thế nào để tin vào Chúa Giêsu?

舊人或新人

- 若有人在基督裏，他就是新造的人，舊事已過，都變成新的了。(哥林多後書 5:17)
- 你們既然蒙召，行事為人就當與蒙著的恩相稱。(以弗所書 4:1)

現在平安與不安擺在你面前，你需要哪一種呢？



Ăn năn

- “... sự ăn năn đối với Đức Chúa Trời, và đức tin trong Đức Chúa Jêsus là Chúa chúng ta.”
(Công-vụ 20:21)

Đức Chúa Jêsus phán: “Ta là sự sáng của thế gian; người nào theo ta, chẳng đi trong nơi tối tăm, nhưng có ánh sáng của sự sống.”(Giăng 8:12)

- ... đặng mở mắt họ, hầu cho họ từ tối tăm mà qua sáng láng, từ quyền lực của quỷ Sa-tan mà đến Đức Chúa Trời, và cho họ bởi đức tin nơi ta được sự tha tội...
(Công-vụ 26:18)

Ăn năn: Nghĩa là “quay lưng lại”, hướng về với Chúa. Có nghĩa là, tấm lòng và tư tưởng được Chúa thay đổi, ngày xưa người đi trong bóng tối, nhưng bây giờ quay trở về với ánh sáng, quyết tâm từ bỏ tội lỗi và thờ hình tượng, và hướng về Đức Chúa Trời hằng sống và chân thật. (1 Tê 1: 9).

Sau khi bạn đã quyết tâm từ bỏ tội lỗi, bạn nên mở
lòng và quyết tâm ...

悔 改

- 當向神悔改，信靠我主耶穌基督。（使徒行傳 20:21）

耶穌說：「我是世界的光。跟從我的，就不在黑暗裏走，必要得著生命的光。」
(約翰福音 8:12)

- 要叫他們的眼睛得開，從黑暗中歸向光明，從撒但權下歸向神；又因信我，得蒙赦罪。（使徒行傳 26:18）

決心離開罪惡之後，應打開心門，決心 ...



Tiếp nhận

- Chúa Jêsus phán: “Này, ta đứng ngoài cửa mà gõ; nếu ai nghe tiếng ta mà mở cửa cho, thì ta sẽ vào cùng người ấy...” (Khải-huyền 3:20)
- Nhưng hễ ai đã nhận Ngài, thì Ngài ban cho quyền phép trở nên con cái Đức Chúa Trời, là ban cho những kẻ tin danh Ngài. (Giăng 1:12)

Chỉ có một cách để tin vào Chúa Jêsus, và đó là tiếp nhận Chúa Jêsus.

Chúng ta có thể được cứu, điều đó là nhận lãnh sự ân điển cứu chuộc của Chúa Jêsus trên thập tự giá cách miễn phí.

Tin vào Chúa Jêsus là tiếp nhận Chúa Jêsus,
Tiếp nhận Chúa Jêsus thì có Chúa Jêsus,
Có Chúa Jêsus, thì có sự sống đời đời.

Vì vậy, khi bạn tin vào Chúa Jêsus, có nghĩa là bạn tiếp nhận Chúa Jêsus và trở nên con cái của Đức Chúa Trời.

Xin vui lòng tiếp nhận Chúa Jêsus làm cứu Chúa duy nhất của bạn.

Bây giờ mời bạn hướng lòng với Đức Chúa Trời và cầu nguyện tiếp nhận Chúa nhé!

接 受

- 耶穌說：「看哪，我站在門外叩門，若有聽見我聲音就開門的，我要進到他那裡裏去 ... 。」
(啟示錄 3: 20)
- 凡接待祂 (耶穌) 的，就是信祂名的人，祂就賜他們權柄作神的兒女。 (約翰福音 1:12)

⑤
接
受

現在就請你向神祈禱接受主吧！



Kêu Cầu

- Vì ai kêu cầu danh Chúa thì sẽ được cứu. (Rô-ma 10:13)

Còn nếu chúng ta xưng tội mình, thì Ngài là thành tín công bình để tha tội cho chúng ta, và làm cho chúng ta sạch mọi điều gian ác. (I Giăng 1:9)

Cầu nguyện là chúng ta trò chuyện với Đức Chúa Trời. Làm thế nào để cầu nguyện? Thật đơn giản, bạn sẽ học được trong vòng một phút:

"Kính lạy Đức Chúa Cha thiên thượng:
(những điều trong lòng mà bạn muốn nói với Đức Chúa Trời)
..... Nhân danh Chúa Jêsus Christ, Amen."

("Amen" nghĩa là "thành tâm cầu nguyện".)

Bây giờ chúng ta hãy cùng nhau cầu nguyện:

"Kính lạy Đức Chúa Cha thiên thượng:

Con thành tâm bằng lòng tin vào Chúa Jêsus Christ, con thừa nhận con cũng là một người có tội. Cầu xin Chúa cứu con và tha thứ mọi tội lỗi của con.

Bây giờ con (tên của bạn) mở cửa lòng con, mời Chúa Jêsus vào lòng con, làm cứu Chúa duy nhất và Chúa đời sống con. Con bằng lòng đi theo Chúa Jêsus suốt đời, làm theo ý muốn của Đức Chúa Cha thiên thượng, và không bao giờ rời bỏ Ngài.
Nhân danh Chúa Jêsus Christ, amen.

Khi chúng ta tin nhận Chúa Jêsus, sau đó sẽ như thế nào?

求 告

- 凡求告主名的就必得救。 (羅馬書 10:13)
- 我們若認自己的罪，神是信實的，是公義的，必要赦免我們的罪，洗淨我們一切的不義。(約翰一書 1:9)

我們接受主耶穌之後，會怎麼呢？

你若口裡認耶穌為主，心裡信神
叫祂從死裡復活，就必得救。—羅馬書10:9



네가 만일 네 입으로 예수를 주로 시인하며 또
하나님께서 그를 죽은 자 가운데서 리신 것을 네
마음에 믿으면 구원을 받으리라 - 로마서10:9

Bằng cứ chắc chắn

• “Ai có Đức Chúa Con thì có sự sống; ai không có Con Đức Chúa Trời thì không có sự sống. Ta đã viết những điều này cho các con, hầu cho các con biết mình có sự sống đời đời, là kẻ nào tin đến danh Con Đức Chúa Trời.” (I Giăng 5:12-13)

• “Quả thật, quả thật, ta (Chúa Jêsus) nói cùng các người, ai nghe lời ta mà tin Đấng đã sai ta, thì được sự sống đời đời, và không đến sự phán xét, song vượt khỏi sự chết mà đến sự sống.”
(Giăng 5:24)

“Niềm tin” đích thực nơi Chúa Jêsus là hành động liên tục, tin vào Đức Chúa Jêsus là Chúa mãi mãi, để Chúa sống trong lòng bạn mãi mãi. Bạn nên nhận báp-têm trong danh Chúa, gia nhập Hội Thánh Tin Lành, cả cuộc đời thuộc về Chúa Jêsus, mãi mãi đi theo Ngài, làm theo ý muốn của Đức Chúa Cha, nương dựa Chúa Jêsus để đắc thắng!

Hãy theo Chúa Jêsus để được sự sống mới, bắt đầu một đời sống mới với Chúa Jêsus.

確 據

- 人有了神的兒子就有生命，沒有神的兒子就沒有生命。我將這些話寫給你們信奉神兒子之名的人，要叫你們知道自己有永生。
(約翰一書 5:12~13)
- 我（耶穌）實實在在的告訴你們，那聽我話，又信差我來者的，就有永生；不至於定罪，是已經出死入生了。
(約翰福音 5: 24)

⑤ 接受

跟從主耶穌得到新生命，開始跟主耶穌過新生活。

Con người mới và cuộc sống mới

- Con người mới: “Vây, nếu ai ở trong Đấng Christ, thì nấy là người dựng nên mới; những sự cũ đã qua đi, nầy mọi sự đều trở nên mới.” (II Cô-rinh-tô 5:17)
- Đời sống mới: “Vây, các người hãy kết quả xứng đáng với sự ăn năn.” (Ma-thi-ơ 3:8)

Vì tin nhận Chúa Jêsus bạn được một cuộc sống mới và trở nên người mới, để có một đời sống mới, bạn cần phải:

Thờ phượng: Tham gia thờ phượng chủ nhật với anh chị em, để tôn vinh Đức Chúa Trời.

Cầu nguyện: Trò chuyện với Chúa mỗi ngày, cảm tạ Chúa, ngợi khen Chúa, kêu cầu Chúa...vân vân.

Đọc Kinh Thánh: Lắng nghe lời Chúa mỗi ngày, lấy lời Kinh Thánh làm tiêu chuẩn đời sống, và sống theo lời Kinh Thánh.

Nhóm: Yêu thương lẫn nhau với anh chị em trong Chúa, gia nhập vào nhóm nhỏ, có một đời sống chi thể trong Chúa.

Truyền phúc âm: Dẫn dắt mọi người đến với Chúa và hoàn thành những điều mà Chúa giao phó cho bạn.

新人新生活

- 新人：「若有人在基督裡，他就是新造的人。」
(哥林多後書 5:17)
- 新生活：「你們要結出果子來與悔改的心相稱」
(馬太福音 3:8)

因信主耶穌得到新生命，成為新人，就要過新生活，你需要：

禱告：天天與神說話，向神感謝、讚美、求告...等。

讀經：天天聽主說話，以聖經為標準，按聖經的話來生活。

敬拜：與弟兄姊妹參加主日崇拜，尊崇神。

團契：彼此相愛，過著小組、小家的肢體生活。

傳福音：領人歸主，完成基督對你我的託付。

福音橋 (越南文 / 中文) (VIETMAN/CHINESE)

聯絡處：中華福音橋傳道會

地址：23153 新北市新店區安康路一段 207 巷 8-1 號
23499 永和福和郵局第 100 號信箱

電話：02-8666-2541

電郵：shellon7@gmail.com
titus41718@gmail.com

奉獻帳號：郵政劃撥 50144205
或台灣銀行文山分行 (代號 004)
(165-001-002-489)

戶名：社團法人中華福音橋傳道會

編著出版：中華福音橋傳道會編輯委員會

中文經文引用 © 台灣聖經公會《新標點和合本聖經》

發行：中華福音橋傳道會

出版日期：西元 2022 年 11 月 2000 本

ISBN：978-957----- (平裝)

新聞局出版登記證：局版台業字第 0713 號

● 版權所有 ●

1. 我決志禱告 越南語
2. 耶穌傳影片 越南語



更多認識耶穌

中華福音橋傳道會